

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **46/2019/HS-ST**

Ngày: 19-8-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Liêm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Bùi Văn Hồng
2. Ông: Hoàng Văn Tân

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 51/2019/TLST-HS ngày 19/7/2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2019/QĐXXST-HS ngày 05/8/2019 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Văn T, sinh ngày 06/9/ 1993, tại Bình Phước; Tên gọi khác: T₁; Nơi cư trú: Tổ 9A, khu phố 2, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị H; sống chung như vợ chồng với Nguyễn Thị N; sinh năm 1996 và Nguyễn Thị Tiểu M sinh năm 1996; bị cáo có 02 người con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2016; Tiền án: không;

Tiền sự: Ngày 18 tháng 02 năm 2013 bị Công an huyện C, tỉnh Bình Phước xử phạt vi phạm hành chính 1.000.000đ về hành vi sử dụng cần sa chưa chấp hành.

Ngày 11/8/2017 bị Tòa án nhân dân huyện C áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 18 tháng. Ngày 08/01/2019 chấp hành xong.

Về nhân thân: Ngày 24/4/2015 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước xử phạt 06 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” .

Bị cáo bị bắt ngày 10/4/2019 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn H, sinh ngày 10/4/1995 tại Bình Phước; Tên gọi khác: không; Nơi cư trú: Tổ 9B, khu phố 2, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Tiến H; sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1967; bị cáo chưa có vợ; Tiền án: không; Tiền sự ; không.

Bị cáo bị bắt ngày 10/4/2019 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ ngày 10/4/2019 T và H cùng với T (không rõ nhân thân) đang uống nước tại quán cà phê T thuộc thị trấn C, huyện T, tỉnh Bình Phước. Tại đây T rủ H và T góp tiền để mua ma túy đá cùng sử dụng. T đồng ý góp số tiền 100.000đ, T có 300.000đ riêng H do không có tiền nên không góp. T nói với T₁ đã gọi điện thoại cho người bán ma túy rồi hẹn đến khu vực quán Bar trung tâm thương mại B chờ sẽ có người đem giao ma túy.

T nói H điều khiển xe mô tô của H chở T đi mua ma túy, H đồng ý chở T đến trung tâm thương mại thị xã B, khi T mua được ma túy, thì T đưa số ma túy cho H giữ và T điều khiển xe của H chở H về lại C.

Khoảng 16 giờ 20 phút cùng ngày T và H đi trên đường quốc lộ 13 đến tổ 10, ấp 7, thị trấn T, huyện H bị lực lượng Công an huyện H kiểm tra phát hiện và thu giữ 01 gói nylon bên trong có chất màu trắng (nghi là ma túy) H và T khai đó là ma túy đá.

Công an lập biên bản thu giữ của H 01 gói nylon hàn kín, bên trong có chứa tinh thể màu trắng niêm phong có chữ ký xác nhận của T và H sau đó đưa đi giám định tại phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước, theo kết quả giám định xác định chất màu trắng đem đi giám định là Methamphetamine.

Đối với người có tên là T₁ do chưa xác định được nhân thân nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H không có căn cứ xử lý.

Tại bản cáo trạng số: 48/CT-VKSHQ ngày 18 tháng 7 năm 2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố bị cáo Đỗ Văn T và Nguyễn Văn H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm của bản cáo trạng, căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Đỗ Văn T và Nguyễn Văn H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 01 năm đến 01 năm 02 tháng tù.

Ngoài ra, Cáo trạng còn đề nghị hội đồng xét xử xử lý vật chứng và tài sản do cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hón Quán đã thu giữ theo quy định.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, không kêu oan và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố.

Lời nói sau cùng của bị cáo T và H:

Trong thời gian bị tạm giam, các bị cáo đã rất ăn năn, hối hận và mong muốn được hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của bị cáo và những người tham gia tố tụng.

[2] Tại phiên toà, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, lời khai của bị cáo phù hợp về thời gian, địa điểm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đầy đủ căn cứ khách quan để xác định:

Ngày 10/4/2019 Đỗ Văn T đã gợi ý H và T₁ cùng góp tiền để mua ma túy đá về cùng sử dụng chung.

T góp 300.000đ, T₁ góp 100.000đ sau đó T₁ gọi điện thoại liên lạc mua ma túy ở khu trung tâm thương mại thị xã B. Sau khi mua được ma túy, T và H đang trên đường về đến thị trấn T thì bị lực lượng Công an huyện H kiểm tra và phát hiện trên người H có cất giấu một gói nylon bên trong có chất màu trắng (nghĩ là ma túy) và H thừa nhận là ma túy T và H vừa mới mua nên đã lập biên bản thu giữ niêm phong sau đó đưa đi giám định.

Theo kết luận giám định số: 98/2019/GĐ-MT ngày 17/4/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận:

Tinh thể màu trắng có trong 01 gói nylon (ký hiệu M) được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng là 0,3978gam, loại Methamphetamine.

Bị cáo T và H thừa nhận số ma túy nói trên là do các bị cáo mua của đối tượng không rõ lai lịch đem về để sử dụng ngoài ra không còn mục đích gì khác. Như vậy có căn cứ xác định bị cáo đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Trên cơ sở đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Đỗ Văn T và Nguyễn Văn H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương, là mầm mống của các tệ nạn xã hội khác. Các bị cáo biết được tác hại của ma túy, việc tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý nên cần có một hình phạt tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo.

Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn các bị cáo cùng góp tiền để mua ma túy sử dụng, tuy nhiên cũng cần phân tích vai trò của mỗi bị cáo để cụ thể hóa hình phạt tương xứng với vai trò của các bị cáo.

Đối với bị cáo T có nhân thân xấu, bị cáo đã từng vi phạm pháp luật bị tòa án nhân dân huyện C xét xử, ngoài ra bị cáo nhiều lần bị xử phạt vi phạm hành chính do sử dụng trái phép chất ma túy. Trong vụ án này, bị cáo là người rủ rê, đề xuất góp tiền để mua ma túy và số tiền của bị cáo cũng nhiều hơn do vậy bị cáo T phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo H.

Đối với H không góp tiền mua ma túy, nhưng biết rõ T nhờ H đi mua ma túy nhưng H vẫn đồng ý sau khi T mua được ma túy H là người trực tiếp cất giữ ma túy do vậy H phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi cùng với T.

Xét về nhân thân bị cáo H chưa có tiền án tiền sự, mới phạm tội lần đầu sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, cha của bị cáo là người có công với cách mạng có thời gian tham gia làm nhiệm vụ quốc tế sau năm 1975, đã xuất ngũ.

Bị cáo T và H được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra H còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo qui định tại khoản 2 điều 51 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà áp dụng hình phạt tù có thời hạn là cần thiết phù hợp với tính chất và mức độ vi phạm của bị cáo nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Vật chứng vụ án:

Số ma túy sau khi đem đi giám định còn lại là: 0,2955gam là chất cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động SanSung Galaxy của bị cáo H và 01 điện thoại Nokia Model 1280 của bị cáo T không liên quan đến vụ án cần trả lại cho bị cáo.

Đối với chiếc xe Honda biển số 93BA-009.13 là tài sản của bị cáo H dùng làm phương tiện phạm tội cần tịch thu hóa giá xung công quỹ nhà nước.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo luật định.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Văn T và Nguyễn Văn H phạm tội: “ Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

[2] Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T 02 (hai) năm tù. Thời gian tù tính từ ngày 10/4/2019.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 01 (một) năm tù. Thời gian tù tính từ ngày 10/4/2019.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Đỗ Văn T và Nguyễn Văn H trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo việc thi hành án.

[3] Về vật chứng vụ án: *Áp dụng Điều 46 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:*

Tịch thu tiêu hủy số ma túy sau khi đem đi giám định còn lại 0,2955gam.

Trả lại cho bị cáo Đỗ Văn T 01 điện thoại di động Nokia màu đen số model 1280; trả cho bị cáo Nguyễn Văn H 01 điện thoại SamSung Galaxy Grand Prime màu đen số Imel 356400070646742/01.

Tịch thu hóa giá xung công quỹ nhà nước 01 xe mô tô biển số 93BA 009.13 nhãn hiệu HonDa, số máy: SS50E303525, số Khung: SS50324384.

(Vật chứng đã được chuyển cho cơ quan thi hành án theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 0005634 ngày 16/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước).

[4] Về án phí:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo Đỗ Văn T và Nguyễn Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Bị cáo và đương sự;
- Bộ phận HSNVCSCA H;
- Phòng HSNVCS CA tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS huyện H;
- Lưuhồ sơ.

*T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*

Lê Thành Liêm

